

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ TIMBER VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ TIMBER VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIMBER VIETNAM INTERNATIONAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TIMBER., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108289940

3. Ngày thành lập: 24/05/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 11, đường Khuyển Lương, tổ 8 , Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0988166199

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết : - Khảo sát xây dựng, cụ thể là: Khảo sát địa chất công trình. Khảo sát địa chất thủy văn; - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình cụ thể là: Thiết kế kiến trúc công trình. Thiết kế nội ngoại thất công trình; Thiết kế công trình đường bộ; Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước và xử lý nước thải công trình xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình: Dân dụng và công nghiệp - Giao thông (Cầu, Đường bộ); Thiết kế hệ thống điện công trình: xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình; Thiết kế kết cấu thép, dây truyền công nghệ công trình công nghiệp. Thiết kế cơ điện công trình công nghiệp; - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án; - Giám sát thi công xây dựng, cụ thể là: Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống cấp thoát nước và Hạ tầng kỹ thuật; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình đường dây và trạm biến áp có điện áp đến 220KV; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cơ điện công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị công nghệ công trình thông tin liên lạc và viễn thông; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông đường bộ; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu đường bộ; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng; - Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; - Dịch vụ tư vấn bao gồm: lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển; khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi; lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; đào tạo, chuyển giao công nghệ.	7110
2.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622(Chính)
3.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
4.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết : - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, Các xưởng hoá chất; - Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...Đập và đê; - Xây dựng đường hầm; - Các công trình thể thao ngoài trời.	4290

5.	Phá dỡ	4311
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
7.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
8.	Hoạt động thể thao khác	9319
9.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
10.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
11.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
12.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
13.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
14.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
15.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
16.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
17.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
18.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
19.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
20.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
21.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
22.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
23.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
26.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
27.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
28.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
29.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
30.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
31.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
32.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
33.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
34.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
35.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
36.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
37.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329

38.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
39.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
40.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
41.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
42.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
43.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
44.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
45.	Đào tạo cao đẳng	8541
46.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
47.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	8299
49.	Xây dựng công trình công ích	4220
50.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
51.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như (Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc; Thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các tòa nhà; Chôn chân trụ; Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất; Uốn thép; Xây gạch và đặt đá; Lợp mái bao phủ tòa nhà; Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng; Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp; Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao); - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
52.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
53.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
54.	Bán buôn đồ uống	4633
55.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641

56.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự.	4649
57.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
58.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
59.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
60.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
61.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
62.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
63.	Xây dựng nhà các loại	4100
64.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
65.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
66.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
67.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
68.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
69.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
70.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
71.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
72.	Đào tạo đại học và sau đại học	8542
73.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
74.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
75.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
76.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết : Thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống âm thanh, hệ thống hút bụi.	4329
77.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
78.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
79.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
80.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
81.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

6. Vốn điều lệ: 1.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THÊU	Số 9, ngõ 51, phố Tương Mai, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	36.000	360.000.000	20,000	030189003472	
			Tổng số	36.000	360.000.000	20,000		
2	NGÔ VIỆT PHONG	Số 9, ngõ 51, phố Tương Mai, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	36.000	360.000.000	20,000	001086014346	
			Tổng số	36.000	360.000.000	20,000		
3	ĐOÀN PHƯƠNG	Số 56 Đặng Tiến Đông, Phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	108.000	1.080.000.000	60,000	172987122	
			Tổng số	108.000	1.080.000.000	60,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐOÀN PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/01/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 172987122

Ngày cấp: 24/10/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 56 Đặng Tiến Đông, Phường Đông Thọ, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P405, CT2A, chung cư Nam Đô, số 609 Trương Định, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội